Ngày soạn: 22/9/2024 Tiết theo KHGD: 8,9

**§4. PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA CÁC SỐ TỰ NHIÊN**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**:

**1.Về kiến thức:**

- Học sinh nhận biết được thừa số, tích, khi nào trong 1 tích có thể không sử dụng dấu phép nhân (Dấu "x" hoặc dấu "."). Được ôn lại phép đặt tính chia

- Học sinh trình bày được tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân ; tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng. Khái niệm: Số bị chia, số chia, thương; phép chia hết, phép chia có dư.

- Học sinh vận dụng được các tính chất của phép nhân, phép chia vận dụng vào giải bài toán thực tiễn.

\* HSKT: Nhận biết được các phép tính nhân và phép tính chia

**2.Về năng lực:**

**\* Năng lực chung:**

- Năng lực tự học:Tự nghiên cứu sgk, tự làm bài tập về nhà, ôn tập kiến thức cũ đã học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Báo cáo được kết quả hoạt động của cá nhân của nhóm.

**\* Năng lực đặc thù:**

**-** Năng lực giao tiếp toán học:Trình bày được tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân ; tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng. Sử dụng linh hoạt các ký hiệu của phép nhân (a x b; a.b; ab) tùy hoàn cảnh cụ thể.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: tham gia hoạt động nhóm, cá nhân để gải quyết phiếu học tập.

- Năng lực mô hình hoá toán học: Giải được 1 số bài toán có nội dung thực tiễn.

**3. Về phẩm chất**:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: thông qua việc hs thể hiện hứng thú, hợp tác khi tham gia hoạt động học tập.

- Trung thực: thông qua hs thể hiện việc đánh giá kết quả bài làm, hoạt động của nhóm bạn.

**II.THIẾT BỊ*:***

**1.Giáo viên**

- GV:Sgk, Sgv, phiếu học tập`, máy chiếu

**2. Học sinh**

- HS: Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán 6

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:**

-Tạo tâm thế gây hứng thú khi vào bài mới.

- Kiểm tra kiến thức đã học về phép nhân.

- Học sinh biết sử dụng phép nhân, phép chia trong thực tế cuộc sống.

- Rèn khả năng giao tiếp hợp tác

***b) Nội dung:*** GV trình chiếu bài toán khởi động trong SGk lên màn hình yêu cầu hs hoạt động nhóm đôi làm bài tập

c) **Sản phẩm:**

Diên tích cánh đồng lúa có dạng hình chữ nhật là: 150.250 = 37500 (m2 )

Diên tích mỗi phần là : 37500 : 4 = 9375 (m2 )

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV chiếu nội dung bài toán mở đầu, yêu cầu 1 học sinh đọc và tóm tắt bài toán.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu bài toán

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số nhóm hs báo cáo kết quả hoạt động, HS khác nhận xét, bổ sung ( Nếu hs chưa làm được , gv có thể để lại sau khi học phép chia thì yêu cầu hs hoàn thiện)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để giải được bài toán trên, các em đã sử dụng kiến thức về phép nhân, phép chia đã học ở tiểu học. Để hiểu rõ hơn và củng cố thêm về các tính chất của phép nhân, phép chia, chúng ta sẽ tìm hiểu bài 4: phép nhân, phép chia các số tự nhiên.hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu tiết 1: PHÉP NHÂN CÁC SỐ TỰ NHIÊN

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:**

**1. Hoạt động 1: phép nhân**

a) Mục tiêu:

- Nhận biết được khi nào trong 1 tích có thể không sử dụng dấu phép nhân.

- Hs được ôn lại kiến thức về phép nhân;tích, thừa số

- Rèn năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề toán học.

b) Nội dung: Học sinh hoạt động nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập số 1.

c) Sản phẩm: HS trình bày được lời giải các bài tập của phiếu học tập số 1 (ở cột sản phẩm)

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv-hs** | **SẢN PHẨM** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Hs thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi trong PHT số 1:  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  Thời gian hoàn thành:  Nhóm:.....  **Câu 1**: Nêu tên gọi các thành phần và kết quả của phép nhân sau:  a x b = c  **Câu 2**: Trong 1 tích ta có thể thay dấu "x" bằng dấu "." áp dụng làm ví dụ sau :  12 x 5 = ......  **Câu 3**: Trong một tích mà các thừa số đều bằng chữ hoặc chỉ có một thừa số bằng số, ta có thể không viết dấu nhân giữa các thừa số. Áp dụng làm các ví dụ sau:  a x b = ........ = ........  4.a.b = .........  **-Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  Hs thảo luận nhóm đôi hoàn thành PHT số 1  Gv đi xung quanh lớp giúp đỡ học sinh gặp khó khăn khi làm bài.  - **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Gv gọi 1 nhóm hs trình bày, nhóm khác nhận xét.  - **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét, chính xác hoá câu trả lời của hs  Gv chiếu quy ước phép trong phép nhân, các trường hợp không viết dấu nhân giữa các thừa số lên bảng yêu cầu học sinh đứng tại chỗ đọc bài, hs lắng nghe và hoàn thiện nhanh vào vở. | I. Phép nhân  a x b = c  Thừa số Thừa số Tích  Quy ước:  - Trong 1 tích ta có thể thay dấu "x" bằng dấu "." ví dụ: 12 x 5 = 12.5  -Trong một tích mà các thừa số đều bằng chữ hoặc chỉ có một thừa số bằng số, ta có thể không viết dấu nhân giữa các thừa số  Ví dụ: axb = a.b = ab ; 4.a.b = 4ab |

**2. Hoạt động 2: Nhân hai số có nhiều chữ số**

a) Mục tiêu:

- Củng cố kĩ năng thực hiện phép nhân hai hay nhiều chữ số

- Rèn năng lực tự học, năng lực giao tiếp, hợp tác

b) Nội dung: Học sinh hoạt động cá nhân làm các bài tập ví dụ trong sgk/ t 19-20

c)Sản phẩm: HS trình bày được lời giải các bài tập (ở cột sản phẩm)

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chiếu nội dung bài toán, yêu cầu 3 học sinh lên bảng làm bài, học sinh dưới lớp hoạt động các nhân làm bài ra phiếu học tập  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** học sinh thực hiện hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên.  Giáo viên đi xung quanh lớp hỗ trợ học sinh gặp khó khăn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV thu phiếu học tập của hs để chữa.  - học sinh đứng tại trình bày các bước thực hiện phép tính của mình.  - hs khác nhận xét  - **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét, chính xác hoá câu trả lời của hs, yêu cầu hs hoàn thiên nhanh vào vở.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung,ghi vở.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS, | **1. Nhân hai số có nhiều chữ số**  *Ví dụ 1*: Đặt tính để tính tích 175 x 312  Giải: Ta có  152  x  213  456  152  304  32376  Vậy 152 x 213 = 32376  **Vận dụng 1**: Đặt tính để tính tích 175 x 312  175  x  312  350  175  525  54600  Vậy 175 x 312 = 54600  Đáp số: 341 x 157= 53537 |

**3.Hoạt động 3: Tính chất của phép nhân**

a) Mục tiêu:

- Trình bày được các tính chất của phép nhân các số tự nhiên.

- Vận đụng các tính chất của phếp nhân các số nguyên vào giải các bài toán,tính nhanh,tính hợp lý.

-rèn nằng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hoá toán học.

b) Nội dung: Học sinh hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2

c)Sản phẩm: HS trình bày được lời giải các bài tập (ở cột sản phẩm)

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -gv chia lớp thành các nhóm mỗi nhóm 4 hs trả lời câu hỏi trong PHT số 2:  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  Thời gian hoàn thành: 8 phút  Nhóm:.....  **Câu 1**: Hãy nêu các tính chất của phép nhân các số tự nhiên.  **Câu 2**: Dựa vào tính chất kết hợp hãy tính tích sau theo hai cách:  Tính : a.b.c = .......  **Câu 3**: Tính nhanh  a, 25.29.4 =  b, 189.509 – 189.409  c, 250.1476.4  d, 37.65 + 37.35  **Câu 4**: Một gia đình nuôi 80 con gà . Biết trung bình một con gà ăn 105g thức ăn trong một ngày. Hỏi gia đình đó cần bao nhiêu ki-lo-gam thức ăn cho đàn gà trong 10 ngày?  **-Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  Hs hoạt động nhóm 4 hs thực hiện trong 8 phút.  +nhóm chẵn thực hiện câu 1, câu 2, câu 3a,b, câu 4  +nhóm lẻ thực hiện câu 1, câu 2, câu 3c,d, câu 4 - Hết thời gian 8 phút lại tạo nhóm mới sao cho 2 bạn nhóm lẻ hai bạn nhóm chẵn ghép thành nhóm mới trình bày PHT số 2.  - Gv quan sát hỗ trợ nhóm gặp khó khăn.  - **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện nhóm bốc thăm giành quyền trả lời.  - nhóm khác nhận xét chéo.  - **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét, chính xác hoá câu trả lời của hs.  Gv chốt lại 4 tính chất của phép nhân các số tự nhiên và lưu ý học sinh cách nhận biết các bài toán có thể tính nhanh. | **2. Tính chất của phép nhân**  Phép nhân các số tự nhiên có các tính chát sau:  + Giao hoán: a.b = b.a  + Kết hợp: (a.b).c = a.(b.c)  +Nhân với số 1: a.1=1.a = a  + Phân phối đối với phép cộng và phép trừ: a.(b+c) = a.b+a.c  a.(b-c) = a.b - a.c  ***Lưu ý*:** a.b.c=(a.b).c=a.(b.c)  *Câu 3: Tính nhanh*  a) 25.29.4 b)37.65 + 37.35  c) 250.1476.4 d)189.509-189.409  Giải:  a) 25.29.4=(25.4).29=100.29=2900  b)37.65+37.35=37.(65+35)=37.100=3700  c)250.1476.4=(250.4).1476=1000.1476=1476000  d) 189.509 – 189.409 = 189.( 509-409) = 18900  *Câu 4:*  Khối lượng thức ăn một ngày 80 con gà ăn hết là:  105.80 =8400 (g) =8.4(kg)  Trong 10 ngày đàn gà cần khối lượng thức ăn là:  10.8.4=84(kg) |

**4. Hoạt động 4: Phép chia hết**

a) Mục tiêu:

- Hs được ôn lại phép đặt tính chia giúp hs liên hệ đến các khái niệm: Số bị chia, số chia, thương; phép chia hết.

- Củng cố kỹ năng sử dụng phép chia trong cuộc sống.

b) Nội dung:

- Học sinh được yêu cầu đọc SGK phần 2), viết được phép chia dưới dạng tổng quát, nêu được phép chia hết

- Làm các bài tập: Ví dụ 3, Vận dụng 4, Ví dụ 4, Vận dụng 5 (SGK trang 21)

c) Sản phẩm: kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Dạng tổng quát của phép chia hết, phép chia có dư

- Lời giải bài Vận dụng 4, 5 SGK trang 21

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| **- Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu hs thực hiện tính 2795 : 215  GV Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  GV trình chiếu lại cách chia  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm ví dụ 3, luyện tập 4  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS phát biểu phép chia hết, lưu ý trong tập hợp số tự nhiên.  - HS làm bài ví dụ 3, luyện tập 4  **\* Báo cáo, thảo luận**  **-** GV yêu cầu vài HS phát biểu phép chia hết trong tập hợp số tự nhiên  GV yêu cầu vài HS phát biểu lưu ý.  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng trình bày lời giải ví dụ 3.  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng trình bày lời giải luyện tập 4.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV chuẩn hóa kiến thức  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án. | **II. PHÉP CHIA**  **1. Phép chia hết**  *Ví dụ 3*: Đặt tính để tính thương:  14 732 : 116  14732 116  313 127  812  0  Vậy 14 732 : 116 = 127  *Vận dụng 4*: Đặt tính để tính thương:  139 004 : 236  Đáp số: 139 004 : 236 = 589 |

**5. Hoạt động 5: Phép chia có dư**

a) Mục tiêu:

- Hs được ôn lại phép đặt tính chia giúp hs liên hệ đến các khái niệm: Số bị chia, số chia, thương; phép chia có dư.

- Củng cố kỹ năng sử dụng phép chia trong cuộc sống.

b) Nội dung:

- Học sinh được yêu cầu đọc SGK phần 2), viết được phép chia dưới dạng tổng quát, nêu được phép chia có dư.

- Làm các bài tập: Ví dụ 4, luyện tập 5 (SGK trang 21)

c) Sản phẩm: kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Dạng tổng quát của phép chia có dư

- Lời giải bài luyện tập 5 SGK trang 21

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu hs phát biểu phép chia có dư trong tập hợp số tự nhiên.  - GV yêu cầu HS đọc lưu ý trong SGK  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm ví dụ 4, luyện tập 5  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS phát biểu phép chia có dư, lưu ý.  - HS làm bài ví dụ 4, luyện tập 5  **\* Báo cáo, thảo luận**  **-** GV yêu cầu vài HS phát biểu phép chia có dư, nêu dạng tổng quát  **-** GV yêu cầu vài HS phát biểu lưu ý.  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng trình bày lời giải ví dụ 4.  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng trình bày lời giải luyện tập 5.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV chuẩn hóa kiến thức  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án. | **2. Phép chia có dư**  **-** Cho hai số tự nhiên m và n với n0, khi đó luôn tìm được đúng hai số tự nhiên q và r sao cho m =n.q + r trong đó 0  r < n  *Lưu ý:* SGK-Trang 20  *Ví dụ 4*: Đặt tính để tính thương và dư của phép chia 2 542 : 34  *Giải*: Ta có  2542 34  162 74  26  Vậy 2 542 : 34 = 74 (dư 26)  *Vận dụng 5*: Đặt tính để tính thương và dư của phép chia 5 125 : 320  *Giải*: Ta có  5125 320  1925 16  5    Vậy 5 125 : 320 = 16(dư 5) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a)Mục tiêu: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập. Rèn năng lực gải quyết vấn đề toán học.

b)Nội dung: HS hoạt động cá nhân dựa vào kiến thức đã học luyện tập một số dạng bài tập có liên quan đến phép nhân, phép chia BT 1a; 2a,bc và 3, B8 (sgk/ t22)

c)Sản phẩm: HS thực hiện được và có phương pháp giải các dạng toán tương ứng.

d)Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV-HS | Nội dung |
| -Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ  Gv yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân làm bài tập.  -Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  - 4 học sinh lên bảng làm bài, học sinh dưới lớp làm bài vào vở.  - gv quan sát hỗ trợ học sinh dưới lớp gặp khó khăn  - Bước 3:Báo cáo, thảo luận  Hs nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  - Bước 4: Kết luận, nhận định  Gv chính xác hoá đáp án các bài tập và yêu cầu hs hoàn thiện vào vở. | Bài 1  a.0=0: a.1 = a; 0:a=0  Bài 2:  a, 50.347.2 = (50.2).347 = 100.347  = 34700  b, 36.97 +97.64 = 97.(36 + 64 ) = 97.100 = 9700  c) 157.289-289.57=289.(157-57)  =289.100=28900  Bài 3:  a)  409. 215 = 87935  54322: 346 = 157.  c) 123 257: 404 = 305 (dư 37). |
| -Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ  Gv yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân tụ nghiên cứu cách sử dụng MTCT để thực hiện phép cộng, phép nhân.  -Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh trình bày các tính cho mỗi phần bằng MTCT  - gv quan sát hỗ trợ học sinh dưới lớp gặp khó khăn  - Bước 3:Báo cáo, thảo luận  Hs nhận xét bài làm của bạn  - Bước 4: Kết luận, nhận định  Gv chính xác hoá đáp án các bài tập và yêu cầu hs hoàn thiện vào vở. | Bài 8/sgk  275×356=97900  14 904: 207=72;  15×47×216 152 280. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a)Mục tiêu:

- Học sinh áp dụng kiến thức đã học vào giả các bài toán thực tiễn.

- Rèn năng lực mô hình hoá toán học.

b)Nội dung: Học sinh hoạt động cá nhân thực hiện bài tập 4,5,6,7(sgk/ t 22)

c)Sản phẩm: Giải được các bài tập vận dung và hiểu được cách pha và công dụng của oreron; biết được số lục lạp trên lá cây thầu dầu; nắm được quy ước tính diện tích trồng trọt của nhà nông ở bắc bộ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV đưa bài toán lên bảng yêu cầu HS tóm tắt bài toán : bài cho ta biết gì? Yêu cầu ta phải làm gì?  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  Bài 4; Bài 5: Hs hoạt động cá nhân suy nghĩ trong 3 phút để nêu hướng giải quyết bài toán  - Hết thời gian suy nghĩ gv gọi 1 hs có câu trả lời nhanh lên bảng trình bày, hs dưới lớp làm bài vào vở.  Bài 6,Bài 7 Học sinh thảo luận theo nhóm bàn .  HS trình bày ra phiéu học tập  Bước 3: Báo cáo, thảo luận  Bài 4,5 hs trình bày trước lớp phương pháp giải  +Số gói = Số nước cần bù : số nước pha 1 gói  + Số xe= số người: số ngươi trên 1xe+1( nếu phép chia có dư)  Bài 6,7 học sinh thuyết trình trước lớp bài giải( gửi bài lên TV)  -Gv gọi hs dưới lớp nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  Bước 4: Kết luận, nhận định  - Gv chính xác hoá lời giải bài toán.  - HS chốt lại được các kiến thức thực tế:  + Công dụng và cách dùng oreron  + Số lục trên lá cây thầu dầu  +quy ước 1 thước, 1 sào , một mẫu. | Bài 4:  Đổi 2 (lít) = 2000 (ml)  Số gói: 2000:200=10 (gói)  Vậy bệnh nhân cần dùng 10 gói Oresol.  Bài 5:  Vì 130: 45=2 (dư 40) nên xếp đủ 2 chuyến xe thì còn dư 40 người, và phải dùng thêm 1 chuyến xe nữa để chở hết 40 người đó.  Vậy, cần ít nhất là: 2 + 1 = 3 (xe)  Bài 6:  Đổi 210cm2= 21000mm2  Số lục lạp cần tìm:  21 000 .500 000= 10 500 000 000 lục lạp.  Vậy có 10 tỉ 500 triệu lục lạp.  Bài 7  a) 1 mẫu = 10 sào  Để gieo mạ trên 1 mẫu ruộng cần khoảng số kg thóc giống là:  10 . 2 = 20 (kg)  b) 9 ha = 90000 m2 = 3750 thước = 250 sào  Để gieo mạ trên 9 ha ruộng cần khoảng số kg thóc giống là:  250 . 2 = 500 (kg) |

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học của bài Phép nhân, phép chia các số tự nhiên

- BTVN: Bài 23,24,25,28,32/sbt trang 14,15

- Chuẩn bị giờ sau: Các em hãy ôn lại cách viết gọn tổng của nhiều số hạng bằng nhau thành phép nhân đã học ở Tiểu học và đọc trước nội dung bài 5. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên, sgk/23